TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Giang và ông Trần Đình Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CưpRao, huyện M'đrắk, tỉnh Đăk Lăk, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 08-02-2014.

Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau. Chị D và anh T không còn chung

sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay chị D nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con: Theo chị D, chị và anh T có 01 người con là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26-3-2016. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị D làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.500.000đ.

Về tài sản chung: Theo chị D, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị D, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị D đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh T, kết quả xác minh như sau:

Chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T sau khi kết hôn về sinh sống tại tổ 2, ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định. Vợ chồng anh T, chị D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cải, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì chị D bỏ đi và không còn chung sống với anh T từ năm 2019 đến nay. Chị D và anh T có 01 người con, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau con chung do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Huỳnh Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con: Đề nghị giao con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26-3-2016 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T có nơi cư trú tại: Ấp Hòa Thuận, xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh T, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã CưpRao, huyện M'đrắk, tỉnh Đăk Lăk, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08-02-2014. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Nguyên đơn chị D yêu cầu ly hôn với lý do quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị D và anh T đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với bị đơn anh T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh T không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị D.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T có 01 (Một) người con là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26-3-2016, hiện con đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng chị D, do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy,để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy D, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con: Giao con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 26-3-2016 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003571 ngày 25-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã CưpRao, huyện M'đrắk, tỉnh Đăk Lăk (GCNKH số 37/2014, ngày 08-02-2014) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường